TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 25 - 4 - 2019

V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Xin ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thái

2. Ông Phan Ngọc Lợi

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Trần Văn Lộc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang*:* Không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2019/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Xin ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm: 1987 "có đơn đề nghị vắng mặt".

Địa chỉ: Ấp I, xã T, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Út S, sinh năm: 1988 "có đơn đề nghị vắng mặt".

Địa chỉ: Ấp X, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2019 và quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn C là nguyên đơn trình bày:

Hôn nhân giữa anh và chị S do hai bên tự nguyện, kết hôn tháng 02 năm 2005 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Chung sống đến tháng 01 năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hằng ngày thường cự cãi nhau. Tháng 9 năm 2018 anh, chị sống ly thân với nhau cho đến nay.

Quá trình sống chung anh và chị S có 02 người con chung là cháu Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 08/3/2006 và cháu Trần Thị M, sinh ngày 17/10/2012, các con chung do chị S trực tiếp nuôi dưỡng.

Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị S;

Về con chung: Đồng ý để chị S tiếp tục nuôi dưỡng cháu D và cháu M, anh không cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Phan Thị Út S trình bày:

Việc anh C trình bày về quan hệ hôn nhân, tình trạng hôn nhân, con chung là đúng.

Nay anh C yêu cầu ly hôn thì chị cũng đồng ý; Về con chung chị đồng ý tiếp tục nuôi cháu D và cháu M, chị có đủ điều kiện nuôi con nên không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi các con; Về tài sản chung, nợ chung chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Trần Văn C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với chị Phan Thị Út S. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Phan Thị Út S là bị đơn cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh Trần Văn C và chị Phan Thị Út S đều có đơn đề nghị vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh, chị theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị S kết hôn tháng 02 năm 2005 nhưng chung sống cho đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, quan hệ hôn nhân của anh, chị là không hợp pháp, vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận anh C và chị S là vợ chồng.

Về con chung: Anh C và chị S xác định có hai người con chung là cháu Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 08/3/2006 và cháu Trần Thị M, sinh ngày 17/10/2012.

Quá trình giải quyết vụ án anh, chị thỏa thuận: Anh C đồng ý để chị S nuôi các con chung, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị S không yêu cầu. Mặt khác, cháu D (trên 07 tuổi) có nguyện vọng chung sống với chị S, xét thấy sự thỏa thuận của anh, chị phù hợp với nguyện vọng của cháu D và phù hợp theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Anh C có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh C và chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 9, Điều 14, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Trần Văn C và chị Phan Thị Út S là vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh C và chị S về việc giao cháu Trần Thị Mỹ D, sinh ngày 08/3/2006 và cháu Trần Thị M, sinh ngày 17/10/2012 cho chị S nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi các con do chị S không yêu cầu, trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Anh C có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Văn C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007546 ngày 13/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang. Anh C đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; Đương sự có mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày tuyên án là ngày 25/4/2019; Đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh;
-VKS ND huyện;
-THA Huyện;
-UBND xã;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Danh Thanh Phát